

CHƯƠNG II

QUY PHẠM PHÁP LUẬT, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT

I. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Khái niệm quy phạm pháp luật

Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự **chung**, có hiệu lực **bắt buộc chung**, được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong phạm vi **cả nước hoặc trong đơn vị hành chính nhất định**, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định tại Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện.

(Khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025)

2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật

1

Giả định

2

Quy định

3

Chế tài

2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật

1

**Giả
định**

Nêu lên những hoàn cảnh, điều kiện có thể xảy ra trong đời sống thực tế mà cá nhân hay tổ chức sẽ gặp

“Chủ thể nào? Trong tình huống nào thì sẽ áp dụng quy phạm pháp luật đó?”

VÍ DỤ GIẢ ĐỊNH



Theo quy định tại Khoản 1, Điều 155 Bộ luật Hình sự 2015 quy định:

“Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”

VÍ DỤ GIẢ ĐỊNH



Theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Hình sự 2015 quy định:

“Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm”

2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật

Quy định

Nêu lên cách thức xử sự mà cá nhân hay tổ chức ở vào hoàn cảnh, điều kiện đã nêu trong bộ phận giả định được phép hoặc buộc phải thực hiện.

Cần trả lời câu hỏi “gặp hoàn cảnh, tình huống đó, **cách thức xử sự** mà Nhà nước yêu cầu chủ thể thực hiện trong quy phạm pháp luật đó là gì?”

2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật

2

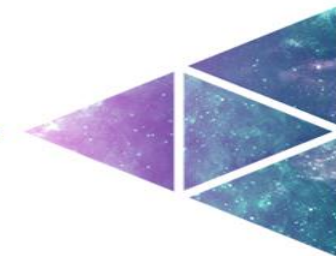
Quy
định

Hành vi nào không được thực hiện (cấm)

Hành vi nào phải thực hiện (có nghĩa vụ)

Hành vi nào có thể lựa chọn thực hiện
(có quyền)

VÍ DỤ QUY ĐỊNH



Theo Khoản 1, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

XÁC ĐỊNH BỘ PHẬN QUY ĐỊNH?



1) Khoản 1 Điều 33 Bộ luật Dân sự 2015:

*“Cá nhân **thì** có quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, thân thể, quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe”*

2) Điều 33 Hiến pháp 2013:

“Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”

2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật

3

Chế tài

nêu lên các biện pháp tác động mà Nhà nước dự kiến áp dụng đối với cá nhân hay tổ chức không thực hiện đúng mệnh lệnh của Nhà nước đã nêu ở bộ phận quy định hoặc giả định

Cần trả lời câu hỏi: “Hậu quả bất lợi đối với những người không thực hiện đúng yêu cầu quy phạm pháp luật?”

Những loại chế tài

- **Hình sự:** hình phạt (tù có thời hạn, chung thân, tử hình, cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, phạt tiền, tịch thu tài sản, quản chế, cấm cư trú...)
- **Dân sự:** Bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm, trả tiền...
- **Hành chính:** xử phạt vi phạm hành chính với số tiền...
- **Kỷ luật (lao động):** Sa thải, cách chức, khiển trách, kéo dài thời hạn nâng bậc lương không quá 6 tháng, bồi hoàn chi phí đào tạo...

2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật

3

Chế tài

Ngoài các chế tài, để đảm bảo cho pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh, Nhà nước còn quy định các biện pháp tác động khác: khen thưởng, khuyến khích về vật chất, tinh thần hoặc các lợi ích khác cho các chủ thể có thành tích trong học tập, công tác, phục vụ hoặc các biện pháp pháp lý bất lợi nhưng không mang tính chất trừng phạt...
=> Biện pháp tác động/biện pháp đảm bảo thực hiện

VÍ DỤ CHẾ TÀI



Khoản 1, Điều 168 Bộ luật Hình sự 2015, quy định tội cướp tài sản:

*“Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, **thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm**”.*

VÍ DỤ CHẾ TÀI



Điều 608. Bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng:

“Cá nhân, pháp nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ mà gây thiệt hại cho người tiêu dùng **thì phải bồi thường**”.

LƯU Ý

Một điều luật **không nhất thiết** phải
có đầy đủ cả 3 bộ phận của một QPPL

Vd: cấm vượt đèn đỏ

Xác định cơ cấu của quy phạm pháp luật sau:

Theo điểm b khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

2. Cấm các hành vi sau đây:

a)

b) Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;

...

e) Cưỡng ép ly hôn, lừa dối ly hôn, cản trở ly hôn;



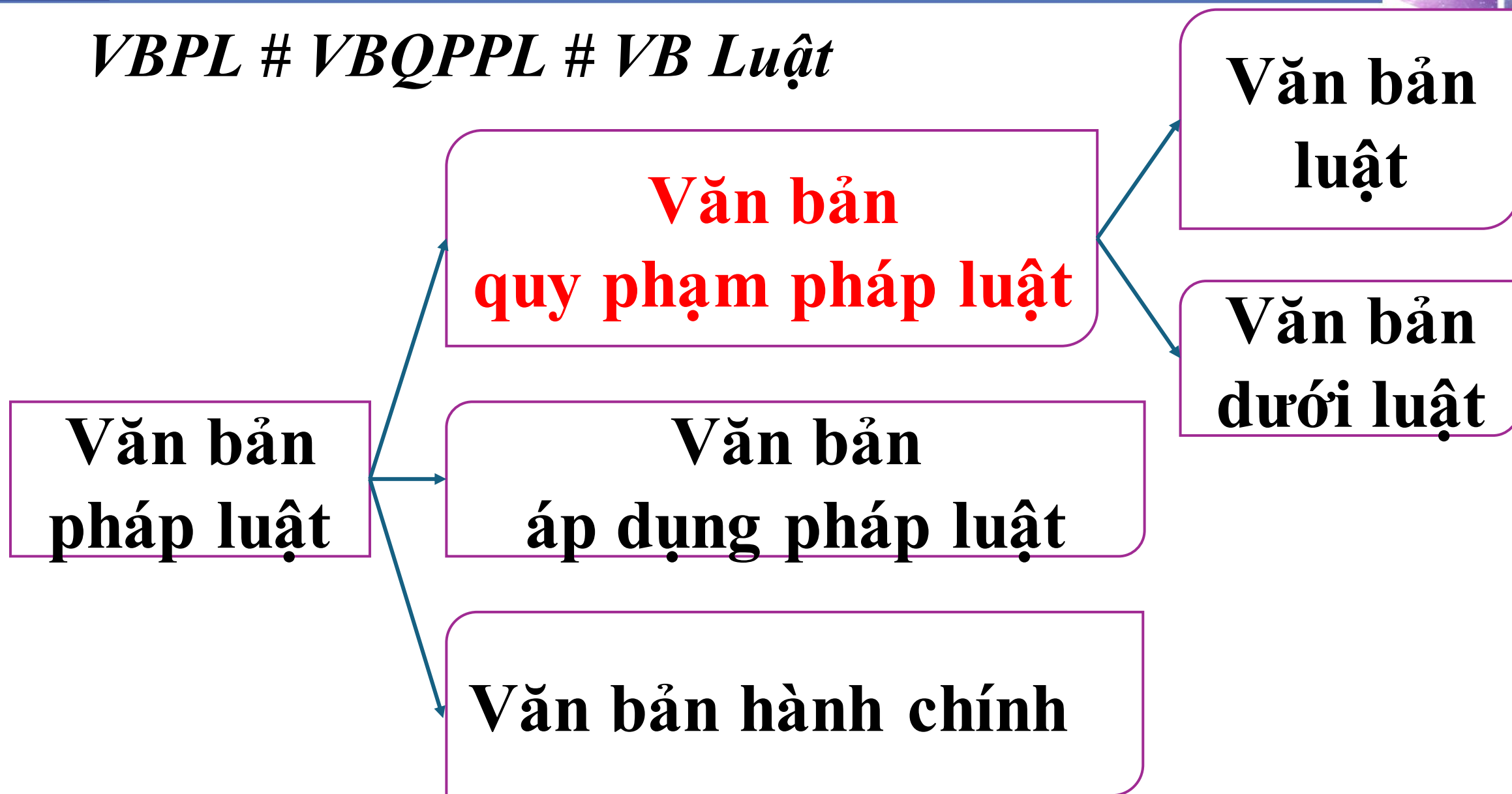
Theo điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

2. Cấm các hành vi sau đây:

...

c) Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;

VBPL # VBQPPL # VB Luật



II. Văn bản quy phạm pháp luật



1.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

Khái niệm: Văn bản quy phạm pháp luật là một hình thức văn bản do cơ quan nhà nước **ban hành hoặc phối hợp ban hành** theo thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục luật định, trong đó có các quy tắc xử sự mang tính **bắt buộc chung**, được **Nhà nước bảo đảm thực hiện** nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản và được **áp dụng nhiều lần** trong đời sống xã hội.

1.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật



LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
NĂM 2025:

Điều 4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật



1. Hiến pháp.
2. Bộ luật, luật (sau đây gọi chung là luật), nghị quyết của Quốc hội.
3. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
4. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

Điều 4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật



....

5. Nghị định, nghị quyết của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

6. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

7. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

8. Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng Kiểm toán nhà nước.

Điều 4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

9. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

10. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).

11. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

12. Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

13. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).

14. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Đặc điểm văn bản quy phạm pháp luật

1

Văn bản quy phạm pháp luật là một hình thức văn bản do cơ quan nhà nước ban hành hoặc phối hợp ban hành theo thẩm quyền, hình thức nhất định.

2

Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định

2. Đặc điểm văn bản quy phạm pháp luật

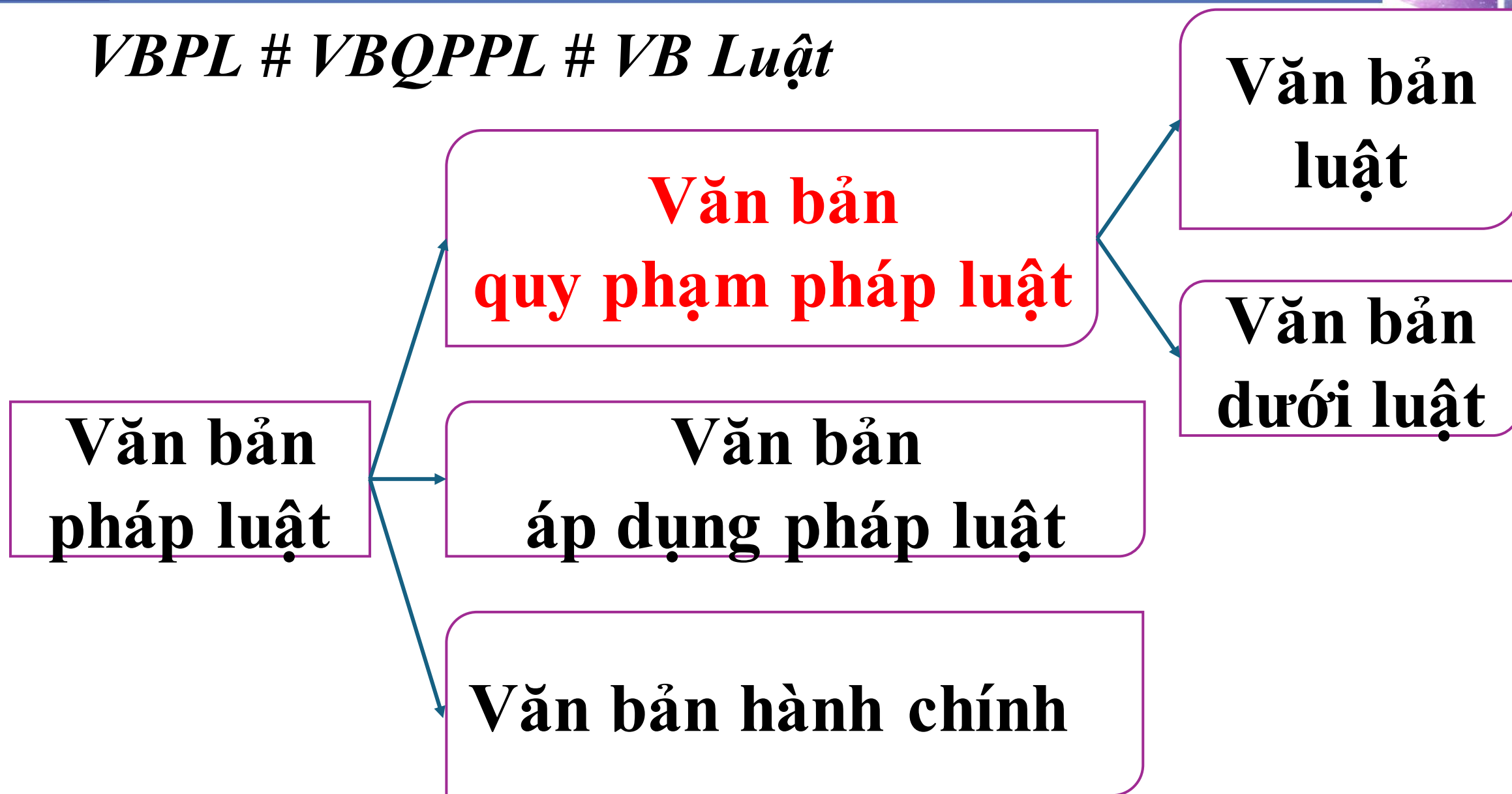
3



Văn bản quy phạm pháp luật chứa đựng các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội.

4

Văn bản quy phạm pháp luật được Nhà nước đảm bảo thực hiện.

VBPL # VBQPPL # VB Luật





3. Phân loại văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản luật

Văn bản dưới luật

3. Phân loại văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản luật

là văn bản **do Quốc hội** – cơ quan quyền lực nhà nước **ban hành** theo hình thức, trình tự, thủ tục luật định.

giữ vai trò **cao nhất** trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản luật **gồm:** Hiến pháp; các Bộ luật, Luật; **Nghị quyết*** do Quốc hội ban hành.

3. *Phân loại văn bản quy phạm pháp luật*

Văn bản dưới luật

là văn bản do các **cơ quan nhà nước** có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục và hình thức được luật quy định

có hiệu lực pháp lý **thấp hơn văn bản luật**

hiệu lực pháp lý của từng văn bản dưới luật **không giống nhau** mà tùy vào thẩm quyền của chủ thể ban hành chúng



3. Phân loại văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản dưới luật:

Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

Nghị định của Chính phủ;

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ;

...

Văn bản được ban hành # Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành

Ví dụ: Bộ trưởng có quyền ban hành **văn bản** là quyết định, thông tư.

Nhưng Bộ trưởng chỉ ban hành **một loại văn bản quy phạm pháp luật** là Thông tư

	CHỦ THỂ BAN HÀNH	Văn bản QPPL
1	Quốc hội	1. Hiến pháp; 2. Bộ luật; 3. Luật; 4. Nghị quyết
2	Ủy ban thường vụ Quốc hội	1. Pháp lệnh; 2. Nghị quyết; 3. Nghị quyết liên tịch
3	Chủ tịch nước	Lệnh; Quyết định

STT	CHỦ THỂ BAN HÀNH	Văn bản QPPL
4	Chính phủ	Nghị định; Nghị quyết; Nghị quyết liên tịch
5	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
6	Hội đồng thẩm phán TAND tối cao	Nghị quyết
7	Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao	Thông tư; Thông tư liên tịch

STT	CHỦ THỂ BAN HÀNH	Văn bản QPPL
8	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ	Thông tư; Thông tư liên tịch
9	Tổng kiểm toán Nhà Nước	- Quyết định
10	HĐND cấp tỉnh	- Nghị quyết
11	UBND cấp tỉnh	- Quyết định
12	Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Nghị quyết liên tịch

III. QUAN HỆ PHÁP LUẬT

1. Khái niệm quan hệ pháp luật

Quan hệ pháp luật là những quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh.

Quan hệ pháp luật là hình thức pháp lý của quan hệ xã hội xuất hiện dưới sự tác động điều chỉnh của quy phạm pháp luật, trong đó các bên tham gia quan hệ có quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý được pháp luật ghi nhận và được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, tổ chức và có thể bằng biện pháp cưỡng chế

2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật

- **1 Quan hệ pháp luật là quan hệ có tính ý chí**
- **2 Quan hệ pháp luật có cơ cấu chủ thể nhất định**

2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật



Quan hệ pháp luật có nội dung là quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể



Quan hệ pháp luật được Nhà nước bảo đảm thực hiện



Căn cứ vào **tiêu chí phân chia ngành luật**, quan hệ pháp luật được chia thành

1

Quan hệ
pháp luật
hình sự

2

Quan hệ
pháp luật
dân sự

3

Quan hệ
pháp luật
hành chính

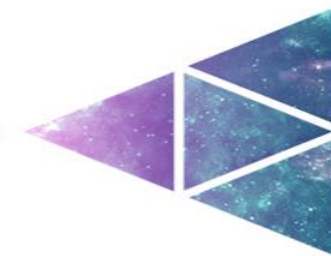
4

Các quan
hệ pháp luật
khác

CHƯƠNG III.

VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

1. Vi phạm pháp luật

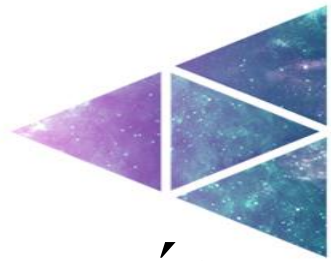


a. Khái niệm

Vi phạm pháp luật là cơ sở nảy sinh trách nhiệm pháp lý. Không có quy phạm pháp luật thì không có trách nhiệm pháp lý.

Vi phạm pháp luật là hành vi của cá nhân hoặc tổ chức dưới dạng hành động hoặc không hành động, trái pháp luật, gây thiệt hại cho xã hội, có lỗi, phải chịu trừng phạt.

2. Cấu thành của vi phạm pháp luật



- **Mặt khách quan của VPPL:** hành vi; hậu quả; và mối quan hệ nhân quả (ngoài ra còn có thể xem xét đến yếu tố thời gian, địa điểm và cách thức thực hiện VPPL)
- **Khách thể của VPPL:** là các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh và bị hành vi VPPL xâm hại
- **Mặt chủ quan:** lỗi, động cơ, mục đích
- **Chủ thể:** cá nhân hoặc tổ chức...

3. Phân loại vi phạm pháp luật



- **VP hình sự (Tội phạm)**
- **VP hành chính**
- **VP dân sự**
- **VP kỷ luật**
- **VP công vụ**

II. Trách nhiệm pháp lý

Trách nhiệm pháp lý là việc **Nhà nước bằng ý chí đơn phương của mình, buộc chủ thể vi phạm pháp luật phải **gánh chịu những hậu quả bất lợi****, những biện pháp cưỡng chế nhà nước được quy định ở bộ phận chế tài của quy phạm pháp luật do ngành luật tương ứng xác định.

Các loại trách nhiệm pháp lý

Căn cứ vào tính chất các biện pháp xử lý, cơ quan xử lý, đối tượng bị áp dụng, có các loại trách nhiệm pháp lý:



Trách nhiệm hình sự



Trách nhiệm hành chính



Trách nhiệm dân sự



Trách nhiệm kỷ luật



Trách nhiệm công vụ